

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 / G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830001] - Thực tập doanh nghiệp (CCQ2205A)

CBGD: Trần Thế Hoàng (280004)

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A	Ch	8,5	8,5	8,5
2	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	Bao	8,0	8,0	8,0
3	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A	Đại	8,0	8,0	8,0
4	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A	Đông	9,0	9,0	9,0
5	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A	Duy	7,5	7,5	7,5
6	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A	Hải	8,0	8,0	8,0
7	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	Hải	8,5	8,5	8,5
8	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2024	CCQ2205A	Hi	7,5	7,5	7,5
9	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	Hoàng	7,5	7,5	7,5
10	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	Khoa	8,0	8,0	8,0
11	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	Ng	7,5	7,5	7,5
12	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	Nh	9,0	9,0	9,0
13	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A	Nh	8,0	8,0	8,0
14	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A	Nh	8,0	8,0	8,0
15	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A	Phong	7,5	7,5	7,5
16	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A	Quốc	7,0	7,0	7,0
17	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	Quốc	7,5	7,5	7,5
18	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A	Sơn	8,0	8,0	8,0
19	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A	Tài	7,5	7,5	7,5
20	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A	Tân	8,5	8,5	8,5
21	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A	Thái	8,0	8,0	8,0
22	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A	Thuần	8,0	8,0	8,0
23	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A	Thu	7,0	7,0	7,0
24	2122050021	Phạm Văn Thiện	Thuật	19/01/2001	CCQ2205A	Thu	7,0	7,0	7,0
25	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	Tiền	7,0	7,0	7,0
26	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A	Trịnh	8,0	8,0	8,0
27	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A	Trực	7,0	7,0	7,0
28	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	Trường	7,5	7,5	7,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830001] - Thực tập doanh nghiệp (CCQ2205A)
CBGD: Trần Thế Hoàng (280004)

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

phạm T Sui

phạm T Sui

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A		<i>Tuấn</i>	7,0	7,0	7,0
30	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		<i>Tuấn</i>	7,0	7,0	7,0
31	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A		<i>Việt</i>	7,0	7,0	7,0
32	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		<i>Việt</i>	7,0	7,0	7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22830002] - Thực tập doanh nghiệp (CCQ2205B)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường An	02/09/2004	CCQ2205B		An	9,0	9,0	9,0
2	2122050043	Đặng Quốc Cường	18/03/2004	CCQ2205B		Cường	8,0	9,0	8,6
3	2122050038	Phạm Thành Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		Diễn	8,0	9,0	8,6
4	2122050062	Nguyễn Trung Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Đức	8,0	9,5	8,9
5	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		Hùng	8,0	8,0	8,0
6	2122050042	Trần Lê Nhật Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	9,0	10	9,6
7	2122050037	Nguyễn Trung Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		Hiếu	9,0	9,0	9,0
8	2122050036	Võ Phước Hơ	16/04/2004	CCQ2205B		Hơ	9,0	9,0	9,0
9	2122050059	Phan Trọng Hữu	23/03/2004	CCQ2205B					
10	2122050054	Vũ Gia Huy	04/06/2004	CCQ2205B		Huy	7,0	8,5	7,9
11	2122050046	Đoàn Minh Khải	29/07/2004	CCQ2205B		Khải	8,0	9,0	8,6
12	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng Minh	20/11/2004	CCQ2205B		Minh	9,0	10	9,6
13	2122050067	Nguyễn Tấn Gia Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		Nguyễn	8,0	8,5	8,3
14	2122050136	Trần Khắc Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		Nhân	8,5	9,0	8,8
15	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B		Phát	9,0	9,5	9,3
16	2122050069	Huỳnh Ngọc Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phúc	9,0	9,5	9,3
17	2122050057	Lê Quang Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phương	9,5	9,5	9,5
18	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quân	8,5	9,5	9,1
19	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B		Quang	8,0	9,5	8,9
20	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thành	9,0	9,5	9,3
21	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thịnh	9,5	9,5	9,5
22	2122050066	Hồ Mạnh Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trình	8,0	8,0	8,0
23	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		Trọng	8,0	9,0	8,6
24	2122050114	Nguyễn Văn Trường	08/03/2004	CCQ2205B		Trường	9,0	9,5	9,3
25	2122050039	Lê Văn Tường	01/04/2004	CCQ2205B		Tường	9,0	10	9,6
26	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		Vũ	8,0	8,0	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830003] - Thực tập doanh nghiệp (CCQ2205C)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C		8,0	8,0	8,0
2	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		8,0	7,5	7,7
3	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/03/2004	CCQ2205C		7,0	7,0	7,0
4	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C		9,0	9,0	9,0
5	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		8,0	8,0	8,0
6	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		8,0	8,0	7,4
7	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		8,0	8,0	8,0
8	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		8,0	8,5	8,3
9	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		8,0	8,0	8,0
10	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		8,0	8,0	8,0
11	2122050092	Trần Hiếu	Kỳ	07/12/2004	CCQ2205C				
12	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	CCQ2205C		9,5	9,5	9,5
13	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		8,0	7,5	7,7
14	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		8,0	7,0	7,4
15	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		8,0	7,0	7,4
16	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		8,0	7,0	7,4
17	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		9,0	8,0	8,4
18	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		8,0	9,0	8,6
19	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		8,0	8,5	8,3
20	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		8,0	7,5	7,7
21	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		8,0	7,0	7,4
22	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		9,0	9,0	9,0
23	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	CCQ2205C		8,0	7,5	7,7
24	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		8,0	7,5	7,7
25	2122050085	Nguyễn Thành	Trung	22/11/2004	CCQ2205C		8,0	8,0	8,0
26	2122050095	Nguyễn Trung	Tứ	24/02/2004	CCQ2205C				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

Môn học : [22830004] - Thực tập doanh nghiệp (CCQ2205D)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	CCQ2205D	An	8,5	8,0	8,2
2	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	Bảo	8,5	8,0	8,2
3	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D	Chương	8,5	8,5	8,5
4	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D	Đức	9,0	9,0	9,0
5	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D	Dương	9,0	9,0	9,0
6	2122050144	Hà Trần Ngọc	Giăng	19/01/2004	CCQ2205D				
7	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	Hoàng	8,5	8,0	8,2
8	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D	Hy	8,5	8,0	8,2
9	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D	Lâm	9,0	9,0	9,0
10	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	Lưu	7,5	7,5	7,5
11	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D	Lưu	8,5	8,0	8,2
12	2122220028	Trần Huỳnh	Mãnh	19/08/2004	CCQ2205D	Mãnh	8,5	8,0	8,2
13	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	Minh	8,0	8,0	8,0
14	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D	Nguyên	8,0	8,0	8,0
15	2122200018	Đặng Thanh	Phúc	20/08/2002	CCQ2205D	Phúc	8,5	8,0	8,2
16	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D	Tân	9,0	8,5	8,7
17	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D	Thái	8,5	8,0	8,2
18	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D	Thành	8,5	8,0	8,2
19	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D	Thiện	8,0	8,0	8,0
20	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	Thịnh	9,0	8,5	8,7
21	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D	Tiến	8,0	8,0	8,0
22	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	Toàn	9,0	8,5	8,7
23	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D	Trung	9,0	8,5	8,7
24	2122050111	Võ Thanh	Trung	20/06/2004	CCQ2205D	Trung	8,0	7,5	7,7
25	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D	Việt	8,5	8,0	8,2
26	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D	Vin	9,0	8,5	8,7
27	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	CCQ2205D	Vũ	8,5	8,5	8,5